

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

Bản án số: 12/2019/HNGĐ-PT

Ngày: 23/5/2019

V/v Ly hôn, nuôi con,

tài sản, nợ chung.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Đăng Huy**

Các Thẩm phán: Bà **Trịnh Cẩm Vân**

Bà **Nguyễn Thị Ngọc Bích**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thùy Linh** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà **Phạm Thị Quyên**
– Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2019/TLPT-HNGĐ ngày 16/4/2019 về việc Ly hôn, nuôi con, tài sản, nợ chung.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 01/2019/HNGĐ-ST ngày 22/02/2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Hải Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 14/2019/QĐ-PT ngày 06/5/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Đỗ Xuân C**, sinh năm 1982. (Có mặt)

Địa chỉ cư trú: Thôn Đ, xã A, huyện T, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Chị **Phạm Thị T**, sinh năm 1985. (Có mặt)

Địa chỉ cư trú: Thôn Đ, xã A, huyện T, tỉnh Hải Dương.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông **Đỗ Xuân P**, sinh năm 1953. (Vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Thôn Đ, xã A, huyện T, tỉnh Hải Dương.

- Bà **Nguyễn Thị K**, sinh năm 1954. (Có mặt)

Địa chỉ cư trú: Thôn Đ, xã A, huyện T, tỉnh Hải Dương.

4. Người làm chứng:

- Bà **Nguyễn Thị B**, sinh năm 1964.

- Ông **Nguyễn Trung C**, sinh năm 1963.

- Ông **Nguyễn Viết D**, sinh năm 1968.

- Ông **Nguyễn Viết Đ**, sinh năm 1973.

- Ông **Nguyễn Văn E**, sinh năm 1965.

- Chị **Đào Thị G**, sinh năm 1989.

- Ông Nguyễn Hữu H, sinh năm 1970.
- Anh Đỗ Xuân I, sinh năm 1982.
- Anh Đỗ Đức L, sinh năm 1969.
- Bà Phạm Thị M, sinh năm 1969.
- Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1968.
- Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1954.

Đều cư trú tại: Thôn Đ, xã A, huyện T, tỉnh Hải Dương.

- Chị Đỗ Thị R, sinh năm 1984.

Cư trú tại: Thôn Cập Nhất, xã Tiền Tiến, huyện T, tỉnh Hải Dương.

- Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1948.

Cư trú tại: Thôn L, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương.

- Chị Đặng Thị U, sinh năm 1972.

Cư trú tại: Chợ N, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương.

- Ông Bùi Văn V, sinh năm 1966.

Cư trú tại: Khu 3, Thị trấn T, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Những người làm chứng đều vắng mặt.

5. Người kháng cáo: Chị **Phạm Thị T** – bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm số 01/2019/HNGĐ-ST ngày 22/02/2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Hải Dương thì các đương sự đều thống nhất trình bày như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh C và chị T tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện T, tỉnh Hải Dương ngày 30/7/2011. Sau kết hôn vợ chồng sống hòa thuận được khoảng 3-5 năm phát sinh mâu thuẫn. Anh C cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách vợ chồng không hợp, cuộc sống chung không hạnh phúc, vợ chồng ly thân từ năm 2015 đến nay, vợ chồng không còn tình cảm nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn chị T. Chị T xác định năm 2015 anh C đi lao động tại Đài Loan đã tự ý chấm dứt hợp đồng lao động, sau khi về nước thường xuyên sinh sự chửi mắng và đuổi chị ra khỏi nhà nên chị đã đưa con về nhà đẻ sinh sống đến nay. Chị T xác định vợ chồng không còn tình cảm, nhất trí ly hôn anh C.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung Đỗ Kim N, sinh ngày 28/8/2012 và Đỗ Ngọc D, sinh ngày 26/02/2014. Chị T đề nghị được nuôi cả hai con, yêu cầu anh C cấp dưỡng 1.000.000đ/tháng/con. Chị T còn yêu cầu anh C cấp dưỡng tiền nuôi con trong thời gian vợ chồng ly thân số tiền 36.000.000đ (Ba mươi sáu triệu đồng). Anh C đề nghị mỗi người nuôi một con, hai bên không phải đóng góp tiền nuôi con cho nhau. Không chấp nhận cấp dưỡng tiền nuôi con trong thời gian ly thân.

- Về quan hệ tài sản chung: Anh C và chị T thống nhất có một số tài sản chung, ngoài ra có một số tài sản và nợ không thống nhất, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản án sơ thẩm số 01/2019/HNGĐ-ST ngày 22/02/2019, TAND huyện T, tỉnh Hải Dương quyết định:

Căn cứ Điều 51, 55, 58, 61, 81, 82, 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. khoản 4 Điều 147, 157, 165, 166, 229 của Bộ luật tố tụng dân sự. Luật phí và lệ phí Tòa án. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh C và chị T.

- Về quan hệ con chung: Không chấp nhận đề nghị nuôi hai con và yêu cầu anh C cấp dưỡng 1.000.000đ/tháng/con của chị T. Giao cho anh C nuôi con Đỗ Ngọc D, sinh ngày 22/02/2014, giao cho chị T nuôi con Đỗ Kim N, sinh ngày 28/8/2012, kể từ tháng 02/2019 đến khi các con thành niên (18 tuổi). Anh chị không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau. Anh chị được quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được ngăn cản. Chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận cấp dưỡng tiền nuôi con trong thời gian ly thân của anh C cho chị T số tiền 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*).

Ngoài ra bản án còn quyết định về quan hệ tài sản chung, nợ chung, án phí, chi phí tố tụng khác, thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 07/3/2019, chị T kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án giao cả 2 con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng hoặc giao cho chị nuôi con chung Đỗ Ngọc D.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Anh C và chị T thỏa thuận và thống nhất anh C trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu N, chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu D đến khi trưởng thành, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

- Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

+ Về việc tuân thủ pháp luật: Từ khi thụ lý, trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và các đương sự tham gia phiên tòa tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng.

+ Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX công nhận sự thỏa thuận của anh C, chị T, sửa bản án sơ thẩm về phần con chung theo hướng giao cháu N cho anh C nuôi dưỡng và giao cháu D cho chị T nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Do sửa bản án sơ thẩm nên chị T không phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của chị T trong thời hạn quy định tại Điều 273 BLTTDS nên là kháng cáo hợp lệ và được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo:

Anh C và chị T có 02 con chung là Đỗ Kim N, sinh ngày 28/8/2012 và Đỗ Ngọc D, sinh ngày 26/02/2014, hiện đang ở với chị T. Anh C và chị T đều có nguyện vọng nuôi con và có công việc, thu nhập, nơi sinh sống ổn định. Cấp sơ thẩm đã đánh giá điều kiện nuôi con của anh C, chị T ngang nhau và quyết định giao cho anh C, chị T mỗi người nuôi 01 con, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con là phù hợp.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, anh C và chị T hòa giải và thống nhất anh C trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đỗ Kim N, chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đỗ Ngọc D. Xét thấy sự thỏa thuận của anh C, chị T là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật và đảm bảo quyền lợi cho các con chung nên cần chấp nhận, sửa bản án sơ thẩm về phần này.

[3] Về án phí: Do sửa bản án sơ thẩm nên chị T không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 148 BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

1. Sửa bản án sơ thẩm số 01/2019/HNGĐ-ST ngày 22/02/2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Hải Dương; công nhận sự thỏa thuận giữa anh Đỗ Xuân C và chị Phạm Thị T:

Giao cho anh Đỗ Xuân C nuôi con Đỗ Kim N, sinh ngày 28/8/2012, giao cho chị Phạm Thị T nuôi con Đỗ Ngọc D, sinh ngày 26/02/2014, kể từ tháng 02/2019 đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi), không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Anh chị được quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

2. Về án phí: Chị Phạm Thị T không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, hoàn trả chị T 300.000đ đã nộp tạm ứng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T theo biên lai số AA/2017/0007353 ngày 20/3/2019.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 23/5/2019.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- TAND huyện T;
- THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu Tòa.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Bùi Đăng Huy